



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU
PHAN THIẾT**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010	06 - 07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010	09 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010	10 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

Vốn góp tại ngày 31/12/2010 là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 282 Nguyễn Hội, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH May Phú Long. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/02/2007 thì trụ sở Công ty TNHH May Phú Long đặt tại Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận. Vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng do Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết góp 100%.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị Công ty

Ông	HUYỀN VĂN NGHI	Chủ tịch
Ông	NGUYỄN QUỐC BÌNH	Phó Chủ tịch
Bà	HUYỀN MỸ LINH	Thành viên
Ông	ĐỖ NGUYỄN THY LINH	Thành Viên
Bà	NGUYỄN THỊ PHỤNG	Thành Viên

Ban Giám đốc

Ông	HUYỀN VĂN NGHI	Tổng Giám đốc
Ông	TRINH DOãn PHƯỚC	Phó Tổng Giám đốc
Bà	HUYỀN MỸ LINH	Phó Tổng Giám đốc

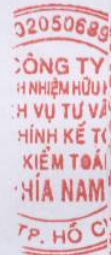
KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;



- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 03 tháng 01 năm 2011

TM BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



HUYỀN VÂN NGHI



Số 23/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được lập ngày 03 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Khẩu May Phan Thiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Tổng Giám Đốc**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM**LÊ VĂN TUẤN**
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2011

Kiểm Toán Viên**NGUYỄN VŨ**
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			13,695,342,015	19,779,187,809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			9,515,685,495	3,702,295,184
1. Tiền	111	V.01		3,515,685,495	3,702,295,184
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02		6,000,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			-	-
III. Các khoản phải thu	130			2,772,554,856	8,056,577,129
1. Phải thu của khách hàng	131			2,528,219,037	7,791,370,024
2. Trả trước cho người bán	132			-	54,790,978
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		244,335,819	210,416,127
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			-	-
IV. Hàng tồn kho	140			1,023,787,644	7,596,511,025
1. Hàng tồn kho	141	V.04		1,023,787,644	7,596,511,025
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			383,314,020	423,804,471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			165,682,043	167,868,794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			193,472,456	222,118,067
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05		24,159,521	33,817,610
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			28,749,513,148	30,147,737,022
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-	-
II. Tài sản cố định	220			28,181,118,926	29,402,281,533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06		21,573,271,845	20,715,033,158
- Nguyên giá	222			42,389,697,928	38,060,344,870
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223			(20,816,426,083)	(17,345,311,712)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07		6,539,551,081	6,653,233,249
- Nguyên giá	228			7,021,251,392	7,021,251,392
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			(481,700,311)	(368,018,143)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08		68,296,000	2,034,015,126
III. Bất động sản đầu tư	240			-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			-	20,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10		-	20,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259			-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260			568,394,222	725,455,489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11		568,394,222	725,455,489
3. Tài sản dài hạn khác	268			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			42,444,855,163	49,926,924,831



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
		Số cuối năm	Số đầu năm	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19,803,023,713	31,124,338,489
I. Nợ ngắn hạn	310		8,007,697,609	16,269,517,120
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	95,000,000	2,998,631,928
2. Phải trả người bán	312		933,277,338	7,536,547,682
3. Người mua trả tiền trước	313		-	172,223,374
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	216,994,945	671,749,669
5. Phải trả người lao động	315		6,499,270,453	4,604,623,359
6. Chi phí phải trả	316		55,509,000	81,523,124
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	207,645,873	204,217,984
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,795,326,104	14,854,821,369
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	11,792,775,412	14,592,775,412
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2,550,692	262,045,957
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22,641,831,450	18,802,586,342
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	22,641,831,450	18,802,586,342
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15,165,400,000	15,165,400,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,700,000	2,700,000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		140,180,589	(86,776,212)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		982,962,548	982,962,548
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		132,078,270	132,078,270
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6,218,510,043	2,606,221,736
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42,444,855,163	49,926,924,831

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	
	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	134,961.05	135,459.67
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

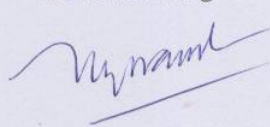
Ngày 03 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu



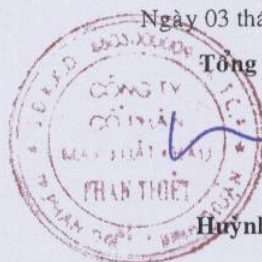
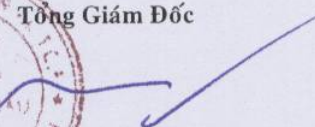
Trương Thị Lan Chi

Kế toán trưởng



Ngô Thị Nam

Tổng Giám Đốc



Huỳnh Văn Nghi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

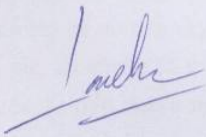
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	76,861,777,203	75,071,004,678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76,861,777,203	75,071,004,678
4. Giá vốn hàng bán	11		65,946,567,121	66,348,392,567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,915,210,082	8,722,612,111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	801,886,552	782,943,184
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	1,844,633,357	1,903,801,975
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,037,630,695	1,623,454,241
8. Chi phí bán hàng	24		1,386,472,620	16,583,822
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,487,927,297	2,322,168,466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,998,063,360	5,263,001,032
11. Thu nhập khác	31		14,243,986	52,034,409
12. Chi phí khác	32		202,674,807	56,124,328
13. Lợi nhuận khác	40		(188,430,821)	(4,089,919)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,809,632,539	5,258,911,113
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	602,354,305	683,061,841
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,207,278,234	4,575,849,272
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	3,433.66	3,017

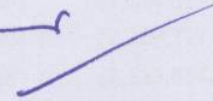
Ngày 03 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Trương Thị Lan Chi

Ngô Thị Nam

Huỳnh Văn Nghi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,809,632,539	5,258,911,113
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,584,796,538	3,468,234,868
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	(38,914,758)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(49,340,408)	
- Chi phí lãi vay	06		1,037,630,695	1,623,454,241
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,382,719,364	10,311,685,464
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5,322,325,973	(2,173,619,304)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6,572,723,381	(6,596,350,525)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5,166,377,268)	6,633,972,255
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		159,248,018	258,902,483
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,037,630,695)	(1,623,454,241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,046,459,885)	(90,124,008)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5,283,784	80,131,895
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(363,767,833)	(415,008,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14,828,064,839	6,386,135,219
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,363,633,932)	(4,654,680,809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,000,000	2,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29,815,743	46,076,434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,313,818,189)	(2,608,604,375)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15,337,614,692	42,111,371,634
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21,041,246,620)	(41,514,613,706)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,137,405,000)	(2,729,772,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,841,036,928)	(2,133,014,072)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5,673,209,722	1,644,516,772
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,702,295,184	2,144,554,624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		140,180,589	(86,776,212)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.22	9,515,685,495	3,702,295,184

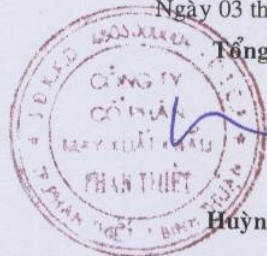


Ngày 03 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Huỳnh Văn Nghi

Trương Thị Lan Chi

Ngô Thị Nam 9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22 tháng 09 năm 2002, thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

Vốn góp tại ngày 31/12/2010 là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 282 Nguyễn Hội, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH May Phú Long. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4804000018 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/02/2007 thì trụ sở Công ty TNHH May Phú Long đặt tại Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc Tỉnh Bình Thuận. Vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng do Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết góp 100%.

Tổng số Công ty con 01 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất : 01 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 0 công ty

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

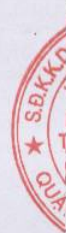
3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 07 năm



- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất 49 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.



Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;



- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	10,168,602	9,518,013
- Tiền gửi ngân hàng	3,505,516,893	3,692,777,171
Cộng	3,515,685,495	3,702,295,184

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Công thương - CN Bình Thuận	3,000,000,000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Phát Triển Bình Thuận	3,000,000,000	
Cộng	6,000,000,000	

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

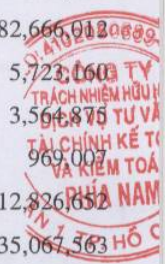
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền ăn ca phải thu người lao động	22,990,000	19,879,500
- Bảo hiểm tai nạn	23,000	375,000
- Bảo hiểm xã hội 2010	53,123,289	82,666,912
- Bảo hiểm y tế 2010	42,433,427	5,723,060
- Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	3,431,650	3,564,875
- Tiền gửi vào thẻ VIB để thanh toán CP hải quan	875,684	969,007
- Bảo hiểm thất nghiệp 2010	10,466,008	12,826,652
- Bảo hiểm y tế		35,067,563
- Ngân hàng Quốc tế Đồng Nai	1,809,269	1,742,559
- Phải thu do chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi	109,183,492	47,601,799
Cộng	244,335,819	210,416,127

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1,023,787,644	7,287,066,373
- Công cụ, dụng cụ		309,444,652
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1,023,787,644	7,596,511,025

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	24,159,521	33,817,610



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	16,495,016,287	20,421,381,253	886,178,624	257,768,706	38,060,344,870
- Mua trong năm		1,946,650,345		141,056,138	2,087,706,483
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2,241,646,575				2,241,646,575
- Điều chuyển		(24,980,952)		24,980,952	-
Số dư cuối năm	18,736,662,862	22,343,050,646	886,178,624	423,805,796	42,389,697,928
II- Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5,205,943,385	11,544,827,386	408,546,743	185,994,198	17,345,311,712
- Khấu hao trong năm	1,037,682,406	2,282,501,710	95,526,376	55,403,879	3,471,114,371
- Thanh lý					-
Số dư cuối năm	6,243,625,791	13,827,329,096	504,073,119	241,398,077	20,816,426,083
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	11,289,072,902	8,876,553,867	477,631,881	71,774,508	20,715,033,158
Tại ngày cuối năm	12,493,037,071	8,515,721,550	382,105,505	182,407,719	21,573,271,845

(*) Đến hết ngày 31/12/2010, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng: 12,047,253,798 đ

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất Công ty	Quyền sử dụng đất - VPĐD	Quyền sử dụng đất Phú Long	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1- Số dư đầu năm	1,355,810,400	1,653,225,000	3,989,215,992	23,000,000	7,021,251,392
2- Số tăng trong năm			-	-	-
3- Số giảm trong năm			-	-	-
4- Số dư cuối năm	1,355,810,400	1,653,225,000	3,989,215,992	23,000,000	7,021,251,392
II- Giá trị hao mòn lũy kế					
1- Số dư đầu năm	195,993,000	-	162,825,143	9,200,000	368,018,143
2- Khấu hao trong năm	27,669,600	-	81,412,568	4,600,000	113,682,168
3- Giảm trong năm					-
4- Số dư cuối năm	223,662,600	-	244,237,711	13,800,000	481,700,311
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1- Tại ngày đầu năm	1,159,817,400	1,653,225,000	3,826,390,849	13,800,000	6,653,233,249
2- Tại ngày cuối năm	1,132,147,800	1,653,225,000	3,744,978,281	9,200,000	6,539,551,081

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí XD CB dở dang	68,296,000	2,034,015,126
Trong đó:		
+ Công trình nhà để xe	68,296,000	
+ Công trình nhà kho		2,021,493,126
+ Thiết kế phòng trưng bày sản phẩm		12,522,000

9. Đầu tư vào công ty con**10. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trái phiếu Chính phủ	-	20,000,000
Cộng	-	20,000,000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí vật tư làm nền nhà kho	291,164,664	1,553,938
- Chi phí tiền công nhà kho		9,473,875
- Chi phí lợp tôn, mái che phòng kế toán	50,963,091	7,307,103
- Chi phí công cụ nhà làm việc văn phòng	74,410,121	133,956,242
- Công cụ, dụng cụ	21,381,817	466,242,119
- Phụ tùng thay thế		19,235,867
- Chi phí sửa chữa nhà kho, phòng sấy	130,474,529	
- Chi phí đào tạo		87,686,345
Cộng	568,394,222	725,455,489

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn VND - Công ty CP May XK Phan Thiết (1)	95,000,000	218,750,000
- Vay ngắn hạn USD - Công ty CP May XK Phan Thiết (2)		1,987,299,453
- Vay ngắn hạn - Công ty TNHH May Phú Long (3)		792,582,475
Cộng	95,000,000	2,998,631,928

(1) Khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Bình Thuận - NH. Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 09340013/HDTD ngày 14/08/2009. Mục đích vay: bổ sung vốn mua máy phát điện; thời hạn cho vay: từ ngày 14/08/2009 đến ngày 14/08/2011; lãi suất cho vay 10,5%/năm; đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay là máy phát điện 275KVA, mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 093400013/HĐTC ký ngày 28/07/2009 với trị giá tài sản là 500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	216,829,239	668,134,819
- Thuế thu nhập cá nhân	165,706	3,614,850
Cộng	216,994,945	671,749,669

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	105,179,546	29,298,069
- Bảo hiểm y tế	13,957,868	13,773,176
- Kinh phí công đoàn	87,149,597	83,359,263
- Bảo hiểm thất nghiệp	31,862	4,257,691
- Dư ứng sức 2009		13,920,000
- Ốm đau thai sản		43,518,269
- Tiền BHXH thu dư	9,454,516	9,454,516
- Phải nộp quỹ khuyến học	2,599,000	2,599,000
- Phải trả, phải nộp khác	1,327,000	4,038,000
Cộng	207,645,873	204,217,984

**15. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng (*)	11,792,775,412	14,592,775,412

(*) Đây là khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bình Thuận theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 04/2007/HĐTD ngày 05/10/2007. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây lắp và thiết bị của dự án; thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ; lãi suất trong hạn 8,4%/năm. đảm bảo tiền vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 06/2007/HĐTCTS-TL ngày 05/10/2007.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	15,165,400,000	2,700,000	-	591,701,647	14,700,000	1,629,099,006	17,403,600,653
- Lợi nhuận tăng trong năm trước						4,575,849,272	4,575,849,272
- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính				391,260,901	117,378,270	(508,639,171)	-
- Trích thuế TNDN bổ sung năm 2008						(17,746,236)	(17,746,236)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(581,260,901)	(581,260,901)
- Chia cổ tức						(2,729,772,000)	(2,729,772,000)
- Thuế TNDN được giảm			(86,776,212)			61,229,395	61,229,395
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm						177,462,371	(86,776,212)
- Giảm quỹ tiền lương năm trước							177,462,371
- Số dư cuối năm trước	15,165,400,000	2,700,000	(86,776,212)	982,962,548	132,078,270	2,606,221,736	18,802,586,342
- Số dư đầu năm nay	15,165,400,000	2,700,000	(86,776,212)	982,962,548	132,078,270	2,606,221,736	18,802,586,342
- Lợi nhuận tăng trong năm						5,207,278,234	5,207,278,234
- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính							
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)						(457,584,927)	(457,584,927)
- Chia cổ tức (*)						(1,137,405,000)	(1,137,405,000)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm 2010			140,180,589				140,180,589
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm 2009			86,776,212				86,776,212
Số dư cuối năm nay	15,165,400,000	2,700,000	140,180,589	982,962,548	132,078,270	6,218,510,043	22,641,831,450

Ghi chú: (*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và Cổ tức là số trích theo Biên bản Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2010 ngày 25/04/2010



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	15,165,400,000	15,165,400,000
Cộng	15,165,400,000	15,165,400,000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,516,540	1,516,540
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,516,540	1,516,540
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1,516,540	1,516,540
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,516,540	1,516,540
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1,516,540	1,516,540
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	982,962,548	982,962,548
- Quỹ dự phòng tài chính	132,078,270	132,078,270
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-

* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:
 - + Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên của Công ty vào những dịp lễ tết, nhằm khuyến khích người lao động.
 - + Quỹ phúc lợi dùng để ủng hộ người nghèo, các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

17. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76,861,777,203	75,071,004,678
Trong đó:		
- Doanh thu gia công	54,931,839,232	33,174,890,378
- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp, ủy thác	16,857,694,819	41,130,917,359
- Doanh thu hàng nội địa	5,072,243,152	765,196,941

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76,861,777,203	75,071,004,678
- Doanh thu gia công	54,931,839,232	33,174,890,378
- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp	16,857,694,819	41,130,917,359
- Doanh thu hàng nội địa	5,072,243,152	765,196,941

18. Doanh thu hoạt động tài chính

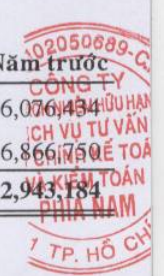
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	49,340,408	46,076,434
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	752,546,144	736,866,750
Cộng	801,886,552	782,943,184

19. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1,402,377,695	1,623,454,241
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	442,255,662	280,347,734
Cộng	1,844,633,357	1,903,801,975

20. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Công ty CP May XK Phan Thiết	Công ty TNHH May Phú Long	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,407,722,915	3,401,909,624	5,809,632,539
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán:	1,694,306	-	1,694,306
- Chi phí không hợp lệ	1,694,306		1,694,306
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Khoản thu nhập được ưu đãi thuế	-	3,401,909,624	3,401,909,624
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	25%	0%	
Tổng thu nhập chịu thuế	2,409,417,221	-	2,409,417,221
- Chuyển lỗ từ năm trước	-	-	-
Thu nhập chịu thuế sau chuyển lỗ	2,409,417,221	-	2,409,417,221
- Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	602,354,305	-	602,354,305



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,207,278,234	4,575,849,272
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,516,540	1,516,540
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,434	3,017

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Trương Thị Lan Chi

Kế toán trưởng

Ngô Thị Nam

Ngày 03 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Huỳnh Văn Nghi